



lín dá

琳达

noun · Linda (a common transliterated name)

Example Sentences

lín dá shì wǒ de měi guó péng yǒu
琳达是我的美国朋友。

Linda is my American friend.

lín dá hěn xǐ huān chī zhōng guó cài
琳达很喜欢吃中国菜。

Linda really likes eating Chinese food.

lín dá zhèng zài xué xí yòng zhōng wén xiě rì jì
琳达正在学习用中文写日记。

Linda is learning to write a diary in Chinese.

Trace each character, then write the word on your own.

琳	琳	琳	琳	琳	琳	琳	琳	琳	琳	琳
琳	琳	琳	琳							
达	达	达	达	达	达	达	达	达		